**NỘI DUNG TẬP HUẤN**

**Hướng dẫn một số nội dung thu thập, phân tích,**

**dự báo thị trường lao động năm 2022**

**I. Thông tin địa phương:** Điền tên tỉnh, huyện, xã, thôn vào dòng kẻ […].

II. GHI PHIẾU THÔNG TIN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

\* *Đối tượng thu thập thông tin* là người lao động từ 15 tuổi trở lên đang cư trú tại địa bàn.

\* *Cách điền thông tin:*

- Ghi rõ thông tin đối với các mục có dấu […………..] hoặc ô 󠄈󠄈.

- Khoanh tròn vào các số 1, 2, 3, ... tương ứng với nội dung chọn trả lời.

- Thời gian thực hiện:

+ Trước ngày 10/10/2022: Các địa phương, đơn vị xây dựng Kế hoạch; chuẩn bị các tài liệu nghiệp vụ, phiếu thu thập thông tin người lao động … phục vụ thu thập thông tin người lao động tại địa bàn.

+ Từ 10/10/2022 đến 25/11/2022: UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thu thập, ghi chép, tổng hợp thông tin người lao động trên địa bàn quản lý đảm bảo đúng theo mẫu số 01, tổng hợp và báo cáo theo Mẫu số 02 và 03 kèm theo và bàn giao cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội (*Qua Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Bình)* theo phần mềm QLVB, bao gồm cả file excel và file PDF ký tên đóng dấu;

+ Từ 26/11 đến 20/12/2022: Kiểm tra, xử lý thông tin phiếu; nhập thông tin người lao động phần mềm; chuyển tải dữ liệu của tỉnh Quảng Bình vào hệ thống Cơ sở dữ liệu thị trường lao động Quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

(Biểu 01, 02 và 03)

**II. Hướng dẫn ghi phiếu:**

1. **Họ, chữ đệm và tên khai sinh: GHI BẰNG CHỮ IN HOA**

**VD: (LÊ QUANG HƯNG, TRẦN HẢI HOÀNG)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2. Ngày, tháng, năm sinh:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi theo định dạng: DD*/MM/YYYY

*(ghi đầy đủ năm 4 chữ số, tháng và ngày đủ 2 chữ số, nếu ngày và tháng dưới 10 thì ghi số 0 vào ô trước)*

VD: 15/11/1995 ; 05/8/2002.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 5 |  | 1 | 1 |  | 1 | 9 | 9 | 5 | ; | 0 | 5 |  | 0 | 8 |  | 2 | 0 | 0 | 2 |

**3. Giới tính:** 1. Nam 2. Nữ;

- Khoanh tròn vào số tương ứng, nếu lao động nam thì khoanh tròn số 1 và nếu lao động nữ thì khoanh tròn số 2.

**4. Số CCCD/CMND** *(1)*: ............................................

- Ghi số CCCD, trường hợp chưa có số CCCD thì ghi số CMND

**5. Mã số BHXH***(2)*:............................... *Ghi số* ***trên thẻ BHYT*** *đã được cơ quan BHXH cấp;*

**Theo quy định thì mã số bảo hiểm xã hội và mã số thẻ bhyt là không giống nhau hoàn toàn. Mã sổ thẻ BHYT sẽ nhiều hơn mã số BHXH. *Chỉ có 10 ký tự cuối trên mã số thẻ BHYT là giống với BHXH.***

**6. Nơi đăng ký thường trú***(3)*: .......................................................................

Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố, xóm, làng; thôn, ấp, bản, TDP, buôn, phum, sóc; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương*;*

*VD: Số 50 đường Hai Bà Trưng, Phường Đồng Phú, TP Đồng Hới, T. Quảng Bình.*

*Xóm 3, thôn Đồng Dương, xã Bảo Ninh, TP Đồng Hới, T Quảng Bình.*

**7. Nơi ở hiện tại***(4)* *()*: .......................................................................................

*Mục này chỉ ghi nếu nơi ở khác nơi đăng ký thường trú tại Mục 6 ở trên. Cách ghi cũng như ở Mục 6 (*Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố, xóm, làng; thôn, ấp, bản, TDP, buôn, phum, sóc; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương)

**8. Đối tượng ưu tiên**: Chỉ thu thập đối với các lao động thuộc một trong 6 đối tượng đó, ngoài ra lao động khác ghì bỏ qua Mục 8 này. ***Bằng cách khoanh tròn vào số tương ứng nội dung trả lời;***

***Nếu là dân tộc thiểu số thì ghi rõ tên dân tộc vào phần ………………………. trong phiếu.***

1. Người khuyết tật làngười bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn.

2. Thuộc hộ nghèo (Có trong DS hộ nghèo của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt)

3. Thuộc hộ cận nghèo (Có trong DS hộ cận nghèo của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt)

4. Thuộc hộ bị thu hồi đất (thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội, hoặc vì lợi ích quốc gia công cộng).

5. Thân nhân của người có công với cách mạng (Theo ăn cứ vào [Điều 3 Pháp lệnh 02/2020/UBTVQH14](https://thuvienphapluat.vn/documents/law.aspx?id=Q=RZd056RTTk&mode=o=dsbGRWOHWk) quy định về những người có công với cách mạng bao gồm những người sau đây:

*\* Khoản 2 Điều 3. Thân nhân của người có công với cách mạng bao gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi liệt sĩ.*

*\* Khoản 1 Điều 3. Người có công với cách mạng bao gồm:*

*a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;*

*b) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;*

*c) Liệt sĩ;*

*d) Bà mẹ Việt Nam anh hùng;*

*đ) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;*

*e) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;*

*g) Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; người hưởng chính sách như thương binh;*

*h) Bệnh binh;*

*i) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;*

*k) Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày;*

*l) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế;*

*m) Người có công giúp đỡ cách mạng.*

6. Dân tộc thiểu số (ghi tên dân tộc): …………………………………………

**9. Trình độ giáo dục phổ thông cao nhất đã tốt nghiệp/đạt được:**

Mục này chỉ khoanh tròn vào số tương ứng với nội dung khi đã tốt nghiệp các bậc học, ví dụ: đang học lớp 11 thì khoanh trong ở số 3 (tốt nghiệp THCS). Trường hợp mới học hết lớp 8 thì khoanh tròn vào số 2 (tốt nghiệp Tiểu hoc)

1. Chưa học xong Tiểu học

2. Tốt nghiệp Tiểu học

3. Tốt nghiệp THCS

4. Tốt nghiệp THPT.

**10. Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đạt được:** Khoanh tròn số tương ứng với nội dung trả lời.

1. Chưa qua đào tạo      2. CNKT không có bằng      3. Chứng chỉ nghề dưới 3 tháng

4. Sơ cấp         5. Trung cấp         6. Cao đẳng         7. Đại học         8. Trên đại học

10.1. Chuyên ngành đào tạo*(5)*:…………………………………………….

***\* Chưa qua đào tạo****: Chưa có một loại văn bằng, chứng chỉ nghề nào và thực tế cũng không đảm nhận một công việc nào đòi hỏi chuyên môn/kỹ thuật từ 3 năm trở lên hoặc công việc đòi hỏi chuyên môn/kỹ thuật nhưng kinh nghiệm chưa đủ 3 năm trở lên.*

*\** ***Công nhân kỹ thuật không có bằng****: Chưa qua một trường lớp đào tạo nào nhưng do tự học, do được truyền nghề hoặc vừa làm vừa học nên họ đã có được kỹ năng, tay nghề tương đương với bậc một của công nhân kỹ thuật và thực tế đã làm công việc này từ 3 năm trở lên).*

***\* Mục 10.1. Chuyên ngành đào tạo****: Ghi chi tiết tên gọi mã cấp III của giáo dục, đào tạo theo quy định tại Phần I Phụ lục danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân tại Quyết định số*[*01/2017/QĐ-TTg*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/quyet-dinh-01-2017-qd-ttg-danh-muc-giao-duc-dao-tao-cua-he-thong-giao-duc-quoc-dan-322627.aspx)*ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân hoặc ghi đúng tên chuyên ngành đào tạo ghi trong chứng chỉ, bằng được cấp (Có Phụ lục kèm theo I QĐ 01/2017/QĐ-TTg)*

**11. Tình trạng tham gia hoạt động kinh tế:** Khoanh tròn số tương ứng với nội dung trả lời.

1. Người có việc làm*(6)* → Chuyển câu 12

2. Người thất nghiệp*(7)* → Chuyển câu 13

3. Không tham gia hoạt động kinh tế → Chuyển câu 14

\* ***Người có việc làm*** *là người có làm bất cứ việc gì (không bị pháp luật cấm) để tạo ra các sản phẩm hàng hóa hoặc cung cấp các dịch vụ nhằm mục đích* ***tạo thu nhập cho bản thân và gia đình.***

***Như vậy:*** Người có việc làm bao gồm có cả những người không làm việc tại thời gian thu thập thông tin nhưng đang có một công việc và vẫn gắp bó chặt chẽ với công việc đó (vẫn được trả lương/công trong thời gian không làm việc hoặc chắc chắn sẽ quay trở lại sau thời gian không quá 1 tháng).

***Ngoài ra,*** những trường hợp cụ thể sau đây cũng được coi là người có việc làm:

+ Người làm việc để nhận tiền lương, tiền công hay lợi nhận nhưng đang tham gia các hoạt động tập huấn, đào tạo hoặc các hoạt động năng cao kỹ năng do yêu cầu của công việc trong đơn vị.

+ Người học việc, tập sự làm việc và có thu nhập được tiền lương, tiền công;

+ Người làm việc trong các hộ/cơ sở kinh tế của chính họ để sản xuất ra các sản phẩm hàng hóa và cung cấp dịch vụ;

+ Người làm việc vì mục đích tiền công, tiền lương hoặc lợi nhuận nhưng các khoản tiền công, tiền lương và lợi nhuận đó có thể không trả trực tiếp cho họ mà được tích lũy vào thu nhập chung của gia đình họ: người làm việc trong các đơn vị kinh doanh được tổ chức bởi một thành viên gia đình đang sống cùng hộ hoặc khác hộ; người thực hiện các phần việc, nhiệm vụ của một công việc làm công ăn lương được tổ chức bởi một thành viên gia đình đang sống cùng hộ hoặc khác hộ.

**\* Người thất nghiệp:** *Là người đủ từ 15 tuổi trở lên mà trong thời kỳ tham chiếu hội đủ các yếu tố sau: hiện không làm việc; đang tìm kiếm việc làm; sẵn sàng là việc để tạo ra thu nhập.*

Số người thất nghiệp còn bao gồm:

- *“Chưa bao giờ làm việc”:* Chưa từng làm bất cứ công việc gì để tạo ra thu nhập và chưa tìm được việc làm.

*- “Đã từng làm việc”:* đã làm một công việc nào đó để tạo ra thu nhập và bị mất việc làm tại thời điểm quan sát vì lý do chủ quan hay khách quan.

**\* Đối với người không tham gia hoạt động kinh tế**:

*+ Nội trợ:* nếu làm công việc như nấu ăn, giặt giũ, trông trẻ … cho chính gia đình mình, không tham gia hoạt động tạo ra thu nhập.

*+ Đang đi học:* nếu đang học THPT, hệ tập trung của các trường chuyên nghiệp, cấc cơ sở dạy nghề (không bao gồm đối tượng công chức, việc chức, người lao động đang làm việc được cử đi học)

+ *Hưu trí:*

*+ Khuyết tật:*

*+ “Khác”* nếu không thuộc các trường hợp nêu trên.

**12. Người có việc làm:**

***12.1. Vị thế việc làm***:

***12.2. Công việc cụ thể đang làm***

**a. Tham gia BHXH**

**b. Hợp đồng lao động**

***12.3. Nơi làm việc***

**a. Loại hình nơi làm việc**:

**b. Địa chỉ nơi làm việc**

***\* 12.1. Vị thế việc làm***: Khoanh tròn số tương ứng với nội dung trả lời

1. Chủ cơ sở SXKD    2. Tự làm    3. Lao động gia đình

 4. Làm công ăn lương     5. Xã viên HTX.

\****12.2. Công việc cụ thể đang làm*** *Ghi cụ thể tên công việc/nghề nghiệp đang làm theo mã nghề cấp 3 của Phụ lục I tại Quyết định số*[*34/2020/QĐ-TTg*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/quyet-dinh-34-2020-qd-ttg-danh-muc-nghe-nghiep-viet-nam-su-dung-trong-thong-ke-ve-lao-dong-458436.aspx)*ngày 26/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục nghề nghiệp Việt Nam (Có Phụ lục kèm theo I QĐ 34/2020/QĐ-TTg)*

**a. Tham gia BHXH:**  1. Bắt buộc  2. Tự nguyện         3. Không tham gia

**b. Hợp đồng lao động** (HĐLĐ):

1. HĐLĐ xác định thời hạn     2. HĐLĐ không xác định thời hạn. 3. Không có HĐLĐ

- *Hợp đồng lao động không xác định thời hạn* là hợp đồng mà trong đó hai bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng;

- *Hợp đồng lao động xác định thời hạn là* hợp đồng mà trong đó hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm có hiệu lực của hợp đồng.

Thời gian bắt đầu thực hiện HĐLĐ (ngày/tháng/năm): ……/….……/……… (có ghi trog HĐLĐ)

***\* 12.3. Nơi làm việc***

*- Ghi tên cụ thể tên cụ thể của người sử dụng lao động (tên cơ quan/đơn vị/tổ chức/doanh nghiệp/hộ kinh doanh/hợp tác xã/cá nhân có thuê mướn).*

*- Trường hợp người lao động khoanh tròn số 2.* Tự làm*ở câu 12.1 thì không ghi nội dung này.*

**a. Loại hình nơi làm việc**:

1. Hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản   2. Cá nhân làm tự do

3. Cơ sở kinh doanh cá thể 4. Hợp tác xã 5. DN Nhà nước

6. DN ngoài Nhà nước 7. DN FDI 8. Khu vực nhà nước

9. Đơn vị sự nghiệp ngoài nhà nước.    10. Khu vực nước ngoài

11. Tổ chức đoàn thể khác.

**b. Địa chỉ nơi làm việc**

- *Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố, xóm, làng; thôn, ấp, bản, TDP, buôn, phum, sóc; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương;*

**13. Người thất nghiệp** 1. Chưa bao giờ làm việc           2. Đã từng làm việc

- *“Chưa bao giờ làm việc”:* Chưa từng làm bất cứ công việc gì để tạo ra thu nhập và chưa tìm được việc làm.

*- “Đã từng làm việc”:* đã làm một công việc nào đó để tạo ra thu nhập và bị mất việc làm tại thời điểm quan sát vì lý do chủ quan hay khách quan.

13.1. Thời gian thất nghiệp: Khoanh tròn số tương ứng nội dung trả lời

1. Dưới 3 tháng       2. Từ 3 tháng đến 1 năm      3. Trên 1 năm.

**14. Không tham gia hoạt động kinh tế do:**

1. Đi học    2. Hưu trí    3. Nội trợ   4. Khuyết tật    5. Khác.